

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 16 – 01 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Hoa Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hữu N – chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch - Ngân hàng thương mại cổ phần S. Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Vắng mặt

Địa chỉ: Số I, quốc lộ F, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Hữu N trình bày:

Ngày 28/8/2016, ông Nguyễn Phước Đ có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Nội dung hợp đồng ghi nhận Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho ông Đ với số tiền là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền là 259.801.505 đồng. Đến ngày 30/4/2023, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Căn cứ theo hợp đồng, điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ của ông Đ sang nợ quá hạn.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không thanh toán khoản nợ trên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Phước Đ phải trả tổng số nợ phát sinh theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) tính đến ngày 14/01/2024 là 21.875.689 đồng, trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi tồn đọng là 916.189 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.959.500 đồng. Ông Nguyễn Phước Đ phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 15/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ thẻ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Phước Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Phước Đ nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt, không có mặt tại tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã không ghi nhận được ý kiến của ông Đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Nguyễn Phước Đ** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông **Nguyễn Phước Đ** phải trả số tiền là 21.875.689 đồng, trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi tồn đọng là 916.189 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.959.500 đồng là có căn cứ, bởi lẽ ông **Đ** đã thực hiện việc ký kết Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng thương mại cổ phần S** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Phước Đ** trả số tiền vay là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông **Nguyễn Phước Đ** hiện đang cư trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Nguyễn Phước Đ** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 15.916.189 đồng, phí và nợ lãi quá hạn là 4.666.544 đồng. Sau đó, ngân hàng có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi tồn đọng là 916.189 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.959.500 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng) được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Phước Đ và bản tóm tắt sao kê ngày 16/01/2024 của Ngân hàng đã thể hiện rõ ông Đ đã thực hiện các giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng của Ngân hàng từ ngày 31/7/2016 đến ngày 30/11/2022 với tổng số tiền là 259.801.505 đồng. Ông Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng theo thỏa thuận đến ngày 30/11/2022 thì ngưng thanh toán cho đến nay. Đến ngày 30/4/2023, do quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ cho ông Đ biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Đ trả số tiền nợ gốc theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét về yêu cầu trả tiền lãi:

Căn cứ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Đ thì lãi suất tại thời điểm cho vay đối với lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trọng hạn. Mức lãi suất đối với Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã được điều chỉnh nhiều lần và thông báo hợp lệ theo thỏa thuận đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Đ. Hiện tại mức lãi suất đang áp dụng là 2.76%/tháng và lãi suất quá hạn là 4.149%/tháng. Xét thấy, thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Thỏa thuận mức lãi suất của các bên không phụ thuộc vào Bộ luật dân sự mà được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải trả số tiền lãi tính đến ngày 14/01/2024 là 6.875.689 đồng, trong đó lãi quá hạn là 5.959.500 đồng, lãi tồn đọng là 916.189 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 21.875.689 \text{ đồng} = 1.093.784 \text{ đồng}$.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 280, 352, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Phước Đ.

2. Buộc ông **Nguyễn Phước Đ** phải trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/01/2024 là 21.875.689 đồng (hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nợ lãi tồn đọng là 916.189 đồng (chín trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi chín đồng) và nợ lãi quá hạn là 5.959.500 đồng (năm triệu chín trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

3. Kể từ ngày **Ngân hàng thương mại cổ phần S** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Đ** chưa trả số tiền nợ gốc nêu trên thì ông **Đ** còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đã ký kết kể từ ngày 15/01/2024 trên phần nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm ông **Nguyễn Phước Đ** phải chịu là 1.093.784 đồng (một triệu không trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng); **Ngân hàng thương mại cổ phần S** được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004194 ngày 07 tháng 11 năm 2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hậu Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;

- CQ THA DS h.Châu Thành A;

- VKSND h.Châu Thành A;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên